

42V
VIE
2004

Viết Nhật ký bằng tiếng Anh

Biên dịch

Lê Huy Lâm - Phạm Văn Thuận

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

VV-02/7244



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục lục

*A Brief Introduction for Keeping a
Diary*

Ghi thiệu ngắn gọn về cách viết
nhật ký 5

Phần I

Bốn mùa 11

Spring

Mùa xuân 12

January

Tháng giêng 12

February

Tháng hai 34

March

Tháng ba 36

Summer

Mùa hè 54

April

Tháng tư 54

May

Tháng năm 60

June

Tháng sáu 812

Autumn

Mùa thu 138

July

Tháng bảy 138

August

Tháng tám 144

September

Tháng chín 147

Winter

Mùa đông 188

October

Tháng mười 188

November

Tháng mười một 205

December

Tháng mười hai 223

Phần II

Cuộc sống 245

Nature

Thiên nhiên 246

Entertainment

Giải trí 265

Youth

Tuổi trẻ 281

Emotions

Cảm xúc 289

People

Con người 299

Phần III Thường thức những trang nhật ký hay

The Diary of Thomas Hardy	Nhật ký của Thomas Hardy	27
The Diary of Mark Twain	Nhật ký của Mark Twain	28
The Crops of Discovery Shoves off - Clark & Lewis	Vụ mùa thám hiểm bắt đầu - Clark & Lewis	29
The Journals of Andre Gide	Nhật ký của Andre Gide	31
The Diaries of a Young Girl - Anne Frank	Nhật ký của một cô gái trẻ - Anne Frank	32
Walter Whitman's Diaries	Nhật ký của Walter Whitman	33

Phụ lục

Từ ngữ về khí tượng	37
Các tiết quan trọng trong năm	38
Các lễ hội truyền thống của Trung Quốc và phương Tây	39
Từ ngữ trong sinh hoạt	40
Từ ngữ về trường học	41
Từ ngữ về tình yêu	42
Tên gọi các lễ kỷ niệm ngày cưới của phương Tây	43
Tác giả và tác phẩm tiêu biểu của các nhà văn nước ngoài	44
Hoa, đá quý đại diện cho các tháng và tên các cung hoàng đạo	44